

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HS-ST
Ngày: 17/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Miện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Điệp

Bà Hoàng Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Thảo Vân - Thư ký TAND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện VKSND huyện Văn Giang tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị C - Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2025/TLST- HS ngày 20 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HS ngày 03/4/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lưu Văn T**; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh năm 1995, tại huyện V, tỉnh Hưng Yên; HKTT/ nơi cư trú: thôn B, xã P, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lưu Văn C1 và bà Nguyễn Thị T1; Có vợ là: Đỗ Thị Thu P, sinh năm 1998 và 02 người con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020); Tiền án; Tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 05/02/2024, bị Công an xã P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Khiêu khích trêu ghẹo, xúc phạm, lăng mạ, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm người khác; Gây tổn hại sức khỏe của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; Ngày 10/11/2024, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện V khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích”; T đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. (Có mặt)

2. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc T2**; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; sinh năm 1997, tại huyện V, tỉnh Hưng Yên; HKTT/Nơi cư trú: thôn Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Đăng K và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 2001 và 01 người con sinh năm 2023; Tiền án; Tiền sự: Không có; T2 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Văn T, sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú (HKTT): thôn B, xã P, huyện V, tỉnh Hưng Yên và Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1997, HKTT: thôn Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hưng Yên quen biết nhau. Vào lúc 17 giờ 20 phút ngày 02/02/2024, Nguyễn Ngọc T2 dùng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S, lắp sim có số thuê bao 0977833333 nhắn tin qua ứng dụng Messenger đến điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu vàng, loại 128GB, bên trong lắp 01 sim Viettel có số thuê bao 0989611995 của T với nội dung: “Đánh e con 98 300đ”, “Đề 98 89 mỗi con 300k” (có nghĩa là T2 đặt mua của T số lô 98 là 300 điểm, mỗi điểm là 28.000đ = 8.400.000đ và các số đề 98, 89 mỗi số 300.000đ = 600.000đồng). Sau khi T nhận được tin nhắn của T2, thì cũng đồng ý bán các số lô, số đề như trên cho T2, đồng thời sử dụng điện thoại nói trên của T, nhắn lại vào ứng dụng M cho T2 với nội dung: “Oke” (có nghĩa là T đã thể hiện sự đồng ý bán số lô, số đề cho T2 để T2 biết). Như vậy, tổng số tiền mà T và T2 sử dụng vào việc đánh bạc với hình thức mua bán số lô, số đề cùng nhau là 9.000.000 đồng. Đến 18 giờ 30 phút ngày 02/02/2024 sau khi có kết quả số số kiến thiết miền bắc mở thưởng trong ngày, thì T và T2 đều đối chiếu để so kết quả thì xác định T2 không trúng số lô, số đề nào đã mua của T, nên toàn bộ số tiền 9.000.000 đồng là T sẽ được thu lợi. Sáng ngày 03/02/2024 T2 đã mang số tiền 9.000.000 đồng đến nhà và trả cho T, rồi T cũng đã tiêu sài cá nhân hết số tiền trên. Đến ngày 10/11/2024, T bị cơ quan CSĐT Công an huyện V khởi tố về tội Cố ý gây thương tích và trong quá trình điều tra vụ án Cố ý gây thương tích đã thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu vàng, loại 128GB, bên trong lắp 01 sim V1 có số thuê bao 0989.611.995 của Lưu Văn T. Sau đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã kiểm tra điện thoại của T thì phát hiện: Tại phần tin nhắn Messenger ngày 02/02/2024 có lưu các nội dung tin nhắn của T2 gửi đến cho T ghi các số lô, số đề như đã nêu ở trên.

Tại cơ quan điều tra T đã thừa nhận hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề cho T2 cụ thể như sau: T sẽ lấy kết quả số số kiến thiết Miền B mở thưởng vào lúc 18 giờ 15 phút đến 18 giờ 30 phút trong ngày để đối chiếu với các số lô, số đề đã bán cho người mua (hay còn gọi là người chơi) để so sánh. T căn cứ vào 02 số cuối của các giải gọi là “lô thường”; 02 số cuối của giải đặc biệt gọi là “đề”. T quy ước sẽ bán số lô thường với giá 28.000^d/điểm, nếu người chơi trúng thì sẽ được nhận lại 100.000^d/điểm, nếu các số lô về bao nhiêu lần thì người chơi sẽ được nhận lại số tiền tương ứng với số lần đó; đối với số đề thì người chơi mua 1.000^d, trúng sẽ được nhận lại là 80.000^d. T không chuyển bằng lô, đề cho ai; nếu người chơi mà trúng thì T sẽ tự bỏ tiền của mình ra để trả cho người chơi, còn nếu người chơi không trúng thì T sẽ được hưởng toàn bộ số tiền mà người chơi đã bỏ ra để mua số lô, số đề của T.

Ngày 30/12/2024, T2 cũng tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S, màu đỏ bên trong có lắp sim thuê bao số 0977833333. Cơ quan điều tra đã kiểm tra điện thoại của T2 nhưng không phát nội dung gì liên quan. T2 cũng thừa nhận hành vi đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề của T với số tiền 9.000.000đồng như nêu ở trên và khai nhận nội dung tin nhắn đặt mua số lô, số đề của T ngày 02/02/2024 thì T2 đã xóa.

Vật chứng đã thu giữ chưa xử lý: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S, màu đỏ, bên trong có lắp sim thuê bao số 0977833333 thu giữ của T2. Còn chiếc điện thoại của T được Cơ quan CSĐT Công an huyện V thu giữ trong vụ án Cố ý gây thương tích.

Tại bản cáo trạng số 44/QĐ-VKS-VG ngày 20/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đã truy tố Lưu Văn T, Nguyễn Ngọc T2 về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu, không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 điều 321; điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Lưu Văn T và Nguyễn Ngọc T2

Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lưu Văn T.

Khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1, 3 Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T2.

Tuyên bố các bị cáo Lưu Văn T và Nguyễn Ngọc T2 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn T từ 07 tháng đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành bản án này.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T2 từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S, màu đỏ, bên trong có lắp sim thuê bao số 0977833333 của bị cáo T2 vì đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Truy thu của bị cáo Lưu Văn T số tiền 9.000.000 đ bị cáo thu lời bất chính nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu vàng, loại 128GB, bên trong lắp 01 sim V1 có số thuê bao 0989.611.995 của Lưu Văn T là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội đang bị thu giữ, là vật chứng trong vụ án bị cáo bị khởi tố, truy tố về tội “cố ý gây thương tích” nên không xử lý trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản làm việc về việc kiểm tra nội dung tin nhắn trong điện thoại của thắng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 17 giờ 20 phút ngày 02/02/2024, tại thôn B, xã P, huyện V, tỉnh Hưng Yên, Lưu Văn T đã đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề cho Nguyễn Ngọc T2 với số lô 98 là 300 điểm, mỗi điểm là 28.000đ = 8.400.000đ và các số đề 98, 89 mỗi số 300.000đ = 600.000đ đồng nhưng T2 không trúng số nào. Tổng số tiền mà T và T2 sử dụng vào việc đánh bạc được xác định là 9.000.000 đồng. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như bản cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Các đối tượng tham gia đánh bạc đều là tự phát, không có tổ chức. Các bị cáo cùng tích cực tham gia đánh bạc với vai trò ngang nhau.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, an toàn xã hội. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế của bản thân và gia đình, là nguyên nhân gây ra mâu thuẫn gia đình và phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật khác.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có ông ngoại là Nguyễn Văn T3 được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, ông nội Nguyễn Hồng T4 và bà nội Nguyễn Thị C2 đều được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ; bị cáo T có chú ruột Lưu Văn C3 là liệt sỹ. Do đó, bị cáo T2 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo T2 có nhân thân tốt. Bị cáo T có nhân thân xấu, đã bị xử phạt vi phạm hành chính và đang bị khởi tố, truy tố về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Về hình phạt chính: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, HĐXX thấy cần xử phạt bị cáo T hình phạt tù, cách ly bị cáo T ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo. Hành vi của bị cáo T2 ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà việc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo vừa đảm bảo việc thu nộp ngân sách nhà nước, vừa có tác dụng răn đe và cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Xét thấy mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo T2 bị áp dụng phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S, màu đỏ, bên trong có lắp sim thuê bao số 0977833333 được xác định là tài sản của bị cáo T2. T2 đã sử dụng điện thoại này làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu điện thoại này cho phát mãi sung ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 9.000.000 đồng bị cáo T nhận của T2 là tiền T thu lời từ hành vi phạm tội nên cần truy thu của T số tiền này nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu vàng, loại 128GB, bên trong lắp 01 sim V1 có số thuê bao 0989.611.995 của Lưu Văn T là vật chứng bị thu giữ trong vụ án khác nên HĐXX không xử lý trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Các bị cáo Lưu Văn T, Nguyễn Ngọc T2 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 321; điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Lưu Văn T và Nguyễn Ngọc T2

- Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lưu Văn T.

- Điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1, 3 Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T2.

- Điểm a khoản 1 Điều 46; Điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố các bị cáo Lưu Văn T, Nguyễn Ngọc T2 phạm tội “Đánh bạc”.

3. Mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lưu Văn T 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành bản án này.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T2 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp.

- Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S, màu đỏ, bên trong có lắp sim thuê bao số 0977833333.

- Truy thu của bị cáo Lưu Văn T số tiền 9.000.000 đ (Chín triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Bị cáo Lưu Văn T, Nguyễn Ngọc T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Lưu Văn T, Nguyễn Ngọc T2 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CA tỉnh Hưng Yên;
- VKS huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ MIỆN